



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV
XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

**CÔNG TY TNHH MTV
XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014**



MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 3
02. Báo cáo kiểm toán	4 - 5
03. Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 9
04. Báo cáo kết quả kinh doanh riêng	10
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
06. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 29

11/1/2022/2/2/2/

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014.

1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Châu Thành	Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên
- Ông Phạm Văn Châu	Thành viên

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Võ Đình Quốc Huy	Kiểm soát viên, bổ nhiệm ngày 15/05/2013

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Hữu Phước	Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Văn Châu	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Thái Văn Thum	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Công ty có các đơn vị trực thuộc.

- Xí nghiệp xây dựng;
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất;
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa;
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng BMC – DT;
- Nhà máy bê tông .

5. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, công cộng, dân dụng;
- San lấp mặt bằng; trang trí nội thất;
- Khai thác cát; sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Vận tải vật liệu xây dựng đường thủy và đường bộ;
- Cơ khí sửa chữa và đóng mới các loại phương tiện thủy;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động như đã liệt kê trên, ngoại trừ các hoạt động sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền và kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng: không có.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 29.

8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng thành viên công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.

9. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

11. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Hội đồng thành viên công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Hội đồng thành viên



Nguyễn Châu Thành

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 07 năm 2015

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 7.19. Quyền số 01. SCT/BS

Ngày 26 tháng 7 năm 2015.

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận



Võ Minh Khanh



Số: 113 /2015/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội Đồng Thành Viên, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 01 tháng 07 năm 2015, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		395.582.797.408	381.221.359.969
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	856.443.585	1.944.733.733
1. Tiền	111		856.443.585	1.944.733.733
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	252.192.638.889	203.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		252.192.638.889	203.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	50.653.861.154	76.577.604.630
1. Phải thu khách hàng	131		46.845.112.940	54.199.516.757
2. Trả trước cho người bán	132		5.646.724.139	23.935.423.775
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		626.418.855	156.525.912
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.464.394.780)	(1.713.861.814)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	88.817.399.087	89.521.640.423
1. Hàng tồn kho	141		89.116.269.585	89.521.640.423
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(298.870.498)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	3.062.454.693	9.677.381.183
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.349.989.872	24.871.700
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		118.722.000	372.387.851
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.593.742.821	9.280.121.632

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.130.016.917	84.227.305.720
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.428.054.933	57.053.317.424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	64.799.742.049	53.667.687.936
<i>Nguyên giá</i>	222		157.161.199.367	142.954.370.356
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(92.361.457.318)	(89.286.682.420)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.969.714.716	3.181.993.124
<i>Nguyên giá</i>	228		4.986.604.330	5.011.604.330
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.016.889.614)	(1.829.611.206)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	658.598.168	203.636.364
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	14.589.961.984	26.883.525.090
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.897.500.000	11.897.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.000.000.000	12.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.192.413.670	11.885.945.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.499.951.686)	(8.899.919.910)
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	1.112.000.000	290.463.206
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.112.000.000	290.463.206
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		479.712.814.325	465.448.665.689

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		120.726.948.990	113.108.333.286
I. Nợ ngắn hạn	310		97.042.985.307	109.003.531.204
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	8.914.827.006	10.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.12	9.556.221.888	10.276.834.830
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	7.987.280.455	21.826.954.113
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	7.798.459.200	3.386.555.373
5. Phải trả người lao động	315		18.696.897.871	20.065.169.236
6. Chi phí phải trả	316	V.15	5.691.113.230	5.892.169.406
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	265.687.453	1.089.315.537
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.17	2.248.351.959	2.508.954.228
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		35.884.146.245	33.957.578.481
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.683.963.683	4.104.802.082
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	1.353.443.230	892.072.897
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.19	22.330.520.453	3.212.729.185
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		358.985.865.335	352.340.332.403
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	358.985.865.335	352.340.332.403
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		307.249.526.616	307.249.526.616
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		51.736.338.719	45.090.805.787
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		479.712.814.325	465.448.665.689

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		-	-	-	-
Euro (EUR)		-	-	-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-	-	-
Yên Nhật (¥)		-	-	-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-	-	-
Bảng Anh (£)		-	-	-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp		-	-	-	-

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 771. Quyền số 01. SCT/16

Ngày 16 tháng 7 năm 2016

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận

Nguyễn Thu Cúc
Người lập biểu

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Lập ngày 01 tháng 07 năm 2015

Võ Minh Khanh

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2014


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	318.965.131.244	289.555.767.897
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	312.668.670	276.167.925
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		318.652.462.574	289.279.599.972
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	248.705.092.764	220.861.028.968
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		69.947.369.810	68.418.571.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	18.695.830.053	13.778.109.238
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.551.609.889	8.268.007.541
Trong đó: chi phí lãi vay	23		530.714.635	179.438.263
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	20.775.837.522	17.194.605.109
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	38.803.396.315	32.564.457.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.512.356.137	24.169.610.360
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.926.642.577	3.748.258.842
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.462.126.298	468.084.084
13. Lợi nhuận khác	40		7.464.516.279	3.280.174.758
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.976.872.416	27.449.785.118
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	6.480.066.168	6.875.874.970
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.496.806.248	20.573.910.148

Số chứng thực 722. Quyền số 1...SCT/BS


Ngày 26 tháng 7 năm 2016...

CHỦ TỊCH UBND phường Hòa Thuận



 Nguyễn Thu Cúc
 Người lập biểu

 Nguyễn Thành Trung
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Hữu Phước
 Tổng Giám đốc
 Lập ngày 01 tháng 07 năm 2015
Võ Minh Khanh

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		365.880.227.278	311.624.417.606
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(65.124.515.054)	(67.929.112.021)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.888.316.964)	(29.347.873.900)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(967.413.548)	(207.780.418)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.014.867.757)	(7.814.334.592)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.426.386.854	9.115.918.195
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(255.106.484.740)	(194.232.855.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.205.016.069	21.208.379.624
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.638.985.639)	(5.140.341.507)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.706.363.637	89.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(121.692.638.889)	(111.007.666.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80.000.000.000	78.278.444.444
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.832.205.422	13.472.969.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40.793.055.469)	(24.307.594.492)

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		99.773.397.826	49.200.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(101.273.648.574)	(45.541.356.650)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.500.250.748)	3.658.643.350
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.088.290.148)	559.428.482
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.944.733.733	1.385.305.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	856.443.585	1.944.733.733

CHỨNG THỰC BẢN SAO

BỔNG HỒ SƠ BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 723. Quyền số: SCT/BS

Ngày: 26 tháng 7 năm 2015

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận



Nguyễn Thu Cúc
Người lập biên

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Lập ngày 01 tháng 07 năm 2015

Võ Minh Khanh

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-UBND-TL ngày 29/06/2010 và theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và đăng ký thay đổi ngày 30/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 307.249.526.616 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 là: 307.249.526.616.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Công ty có các đơn vị trực thuộc.

- Xí nghiệp xây dựng;
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất;
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa;
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng BMC – DT;
- Nhà máy bê tông .

3. Các công ty con và công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp

- Địa chỉ: số 57, đường số 3, Khu liên hợp thể dục thể thao, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ và dịch vụ vận tải; Mua bán vật liệu xây dựng, xăng dầu, gas; Mua bán, sửa chữa ô tô và phụ tùng ô tô; Kinh doanh kho bãi và dịch vụ kho bãi.
- Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC Đồng Tháp

- Địa chỉ: số 166, đường Nguyễn Trãi, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Lập dự án đầu tư; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công trình giao thông, hạ tầng công nghiệp; Khảo sát.
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,98%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,98%.

Công ty Cổ phần Việt Hồng

- Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp An Lộc, ấp An Lộc, xã An Bình, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Chế biến thức ăn phục vụ nuôi trồng thủy sản, gia súc và gia cầm.
- Vốn điều lệ đăng ký: 41.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ đã góp: 38.550.000.000 đồng.

SỐ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VIỆT



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 25,94%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 25,94%.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, công cộng, dân dụng;
- San lấp mặt bằng; trang trí nội thất;
- Khai thác cát; sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Vận tải vật liệu xây dựng đường thủy và đường bộ;
- Cơ khí sửa chữa và đóng mới các loại phương tiện thủy;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động như đã liệt kê trên, ngoại trừ các hoạt động sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền và kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng: không có.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại ngày 31/12/2014 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7 năm
- TSCĐ vô hình	5 năm

5. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá gốc của các chứng khoán này lớn hơn giá trị thị trường của chúng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí xây lắp được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí các khoản dự phòng phải trả

Mức dự phòng bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận bằng 5% doanh thu của các công trình xây lắp đang trong thời gian bảo hành.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với khối lượng công việc đã hoàn thành và nghiệm thu hoặc quyết toán.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

14. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

15 Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	163.374.372	50.447.980
Tiền gửi ngân hàng	693.069.213 (a)	1.894.285.753
Cộng	856.443.585	1.944.733.733

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi tại Vietinbank Đồng Tháp	655.848.737	1.823.948.255
- Tiền gửi tại Sacombank Đồng Tháp	12.562.968	49.389.550
- Tiền gửi tại NH Phương Nam Đồng Tháp	20.038.260	16.414.800
- Tiền gửi tại Agribank Cao Lãnh, Đồng Tháp	4.619.248	4.533.148
Cộng	693.069.213	1.894.285.753

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác	252.192.638.889 (b)	203.500.000.000
Cộng	252.192.638.889	203.500.000.000

(b) Chi tiết số dư khoản đầu tư ngắn hạn khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền gửi có kỳ hạn		252.192.638.889		203.500.000.000
Cộng		252.192.638.889		203.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	46.845.112.940 (c)	54.199.516.757
Trả trước cho người bán	5.646.724.139 (d)	23.935.423.775
Các khoản phải thu khác	626.418.855 (e)	156.525.912
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.464.394.780) (f)	(1.713.861.814)
Cộng	<u>50.653.861.154</u>	<u>76.577.604.630</u>

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	13.656.752.082	29.507.784.235
- Xí nghiệp xây dựng	11.056.740.331	11.996.136.735
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	-	80.758.242
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	16.522.215.000	8.166.382.751
- Nhà máy bê tông	3.478.357.649	2.017.059.412
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	365.841.691	240.819.644
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	511.458.469	621.722.709
- Cửa hàng Cao Lãnh	597.931.761	784.740.602
- Cửa hàng Sa Đéc	629.121.457	551.132.793
- Cửa hàng Xẻo Vạt	26.694.500	232.979.634
Cộng	<u>46.845.112.940</u>	<u>54.199.516.757</u>

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	3.265.987.404	7.747.699.824
- Xí nghiệp xây dựng	1.794.332.735	2.806.314.860
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	421.824.000	13.325.309.091
- Nhà máy bê tông	48.580.000	56.100.000
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	116.000.000	-
Cộng	<u>5.646.724.139</u>	<u>23.935.423.775</u>

(e) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	-	91.023.355
- Ban quản lý dự án Trần Quốc Toàn	464.784.503	-
- Phải thu khác	161.634.352	65.502.557
Cộng	<u>626.418.855</u>	<u>156.525.912</u>

(f) Chi tiết số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số dự phòng</u>
- Nợ quá hạn từ 180 đến 360 ngày	343.813.494	30%	103.144.048
- Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	2.241.369.290	50%	1.120.684.645
- Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	734.277.146	70%	513.994.002
- Nợ quá hạn trên 3 năm	726.572.085	100%	726.572.085
Cộng	<u>5.646.724.139</u>		<u>2.464.394.780</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	18.263.275.397 (g)	17.912.204.774
Công cụ, dụng cụ	408.972.280 (h)	45.300.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.414.609.288 (i)	11.060.437.526
Thành phẩm	4.533.355.947 (j)	5.178.579.659
Hàng hoá	4.191.160.547 (k)	4.503.657.237
Hàng hoá bất động sản	55.304.896.126	50.821.461.227
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(298.870.498) (l)	-
Cộng	<u>88.817.399.087</u>	<u>89.521.640.423</u>

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá bán một số mặt hàng thủy sản bị giảm.

(g) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu chính	6.595.583.891	4.678.296.800
- Vật liệu phụ	32.162.500	8.288.884
- Nhiên liệu	1.767.002.754	1.341.037.228
- Phụ tùng thay thế	9.868.526.252	11.884.581.862
Cộng	<u>18.263.275.397</u>	<u>17.912.204.774</u>

(h) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ	408.972.280	45.300.000
Cộng	<u>408.972.280</u>	<u>45.300.000</u>

(i) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí xây lắp dở dang	6.414.609.288	11.060.437.526
Cộng	<u>6.414.609.288</u>	<u>11.060.437.526</u>

(j) Chi tiết số dư thành phẩm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thành phẩm - Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	1.420.191.295	1.835.831.463
- Thành phẩm - Nhà máy bê tông	3.094.836.078	3.342.748.196
- Hàng hóa khác	18.328.574	-
Cộng	<u>4.533.355.947</u>	<u>5.178.579.659</u>

(k) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vật liệu xây dựng	4.191.160.547	4.503.657.237
Cộng	<u>4.191.160.547</u>	<u>4.503.657.237</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

(l) Chi tiết số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	-	-
- Số trích lập trong năm	298.870.498	-
- Số hoàn nhập trong năm	-	-
- Số cuối năm	<u>298.870.498</u>	<u>-</u>

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.349.989.872 (m)	24.871.700
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	118.722.000	372.387.851
Tài sản ngắn hạn khác	1.593.742.821 (n)	9.280.121.632
Cộng	<u>3.062.454.693</u>	<u>9.677.381.183</u>

(m) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- CP nhận chuyển nhượng, khảo sát mỏ cát	1.349.989.872	-
- Chi phí sửa chữa tài sản (xe)	-	24.871.700
Cộng	<u>1.349.989.872</u>	<u>24.871.700</u>

(n) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	544.565.854	331.951.508
- Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.049.176.967	8.948.170.124
Cộng	<u>1.593.742.821</u>	<u>9.280.121.632</u>

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nguyên giá	142.954.370.356	21.028.838.116	6.822.009.105	157.161.199.367
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20.721.699.610	264.642.309	-	20.986.341.919
- Máy móc thiết bị	86.400.660.526	18.474.346.716	4.881.625.688	99.993.381.554
- PT vận tải, TB truyền dẫn	20.679.375.984	2.289.849.091	1.370.610.815	21.598.614.260
- Thiết bị quản lý	828.697.827	-	-	828.697.827
- Tài sản cố định khác	14.323.936.409	-	569.772.602	13.754.163.807
Hao mòn lũy kế	89.286.682.420	8.989.094.947	5.914.320.049	92.361.457.318
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.079.162.539	1.044.776.935	-	7.123.939.474
- Máy móc thiết bị	64.699.544.422	6.304.044.086	4.135.671.293	66.867.917.215
- PT vận tải, TB truyền dẫn	16.433.717.750	1.328.883.958	1.719.813.486	16.042.788.222
- Thiết bị quản lý	828.697.827	-	-	828.697.827
- Tài sản cố định khác	1.245.559.882	311.389.968	58.835.270	1.498.114.580
Giá trị còn lại	53.667.687.936			64.799.742.049
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.642.537.071			13.862.402.445
- Máy móc thiết bị	21.701.116.104			33.125.464.339
- PT vận tải, TB truyền dẫn	4.245.658.234			5.555.826.038
- Thiết bị quản lý	-			-
- Tài sản cố định khác	13.078.376.527			12.256.049.227

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Tài sản tăng do mua sắm	20.764.195.807
- Tài sản tăng do đầu tư XDCB	264.642.309
Cộng	<u>21.028.838.116</u>

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Tài sản giảm do thanh lý, nhượng bán	6.252.236.503
- Tài sản giảm do điều chỉnh khác	569.772.602
Cộng	<u>6.822.009.105</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Khấu hao trong năm	8.989.094.947
Cộng	<u>8.989.094.947</u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Thanh lý, nhượng bán	5.855.484.779
- giảm do điều chỉnh khác	58.835.270
Cộng	<u>5.914.320.049</u>

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	5.011.604.330	-	25.000.000	4.986.604.330
- Quyền sử dụng đất	2.422.616.725	-	25.000.000	2.397.616.725
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- Chi thăm dò, khai thác cát	2.512.987.605	-	-	2.512.987.605
Hao mòn lũy kế	1.829.611.206	187.278.408	-	2.016.889.614
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- Chi thăm dò, khai thác cát	1.753.611.206	187.278.408	-	1.940.889.614
Giá trị còn lại	3.181.993.124			2.969.714.716
- Quyền sử dụng đất	2.422.616.725			2.397.616.725
- Phần mềm kế toán	-			-
- Chi thăm dò, khai thác cát	759.376.399			572.097.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định vô hình giảm như sau:

	Số tiền
- Tài sản giảm do bàn giao quyền sử dụng đất cho Nhà nước Cộng	25.000.000
	25.000.000

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm Cộng	187.278.408
	187.278.408

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm TSCĐ	-	203.636.364
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Cộng	658.598.168	-
	658.598.168	203.636.364

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	11.897.500.000	(o)	11.897.500.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.000.000.000	(p)	12.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.192.413.670	(q)	11.885.945.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn Cộng	(10.499.951.686)	(r)	(8.899.919.910)
	14.589.961.984		26.883.525.090

(o) Chi tiết số dư khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	918.050	9.180.500.000	918.050	9.180.500.000
Cty CP TVTK XD BMC ĐT	271.700	2.717.000.000	271.700	2.717.000.000
Cộng		11.897.500.000		11.897.500.000

(p) Chi tiết số dư khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP Việt Hồng	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Cty TNHH Bóng đá Đồng Tháp	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng		12.000.000.000		12.000.000.000

(q) Chi tiết số dư khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP VT đường sông ĐT	-	-	80.000	800.000.000
Cty CP Docimexco	77.170	1.192.413.670	140.000	2.085.945.000
Cty CP Domenal	-	-	900.000	9.000.000.000
Cộng		1.192.413.670		11.885.945.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

(r) Chi tiết số dư dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Số CP	Giá trị đầu tư	Số lập dự phòng
Công ty CP Việt Hồng	1.000.000	10.000.000.000	7.307.538.016
Công ty TNHH Bông đá Đồng Tháp	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Docimexco	77.170	1.192.413.670	1.192.413.670
Cộng		15.909.413.670	10.499.951.686

10. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	1.112.000.000 (s)	290.463.206
Cộng	1.112.000.000	290.463.206

(s) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	68.063.206
- Tiền thuê mặt bằng	1.112.000.000	222.400.000
Cộng	1.112.000.000	290.463.206

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn bằng VND		
- BIDV Đồng Tháp	8.914.827.006	10.000.000.000
Cộng	8.914.827.006	10.000.000.000

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	1.769.131.156	2.502.700.450
- Xí nghiệp xây dựng	2.828.524.502	3.406.148.609
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	-	133.600.645
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	227.273.225	285.004.586
- Nhà máy bê tông	851.774.228	1.093.318.864
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	-	6.000.000
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	830.791.703	789.327.105
- Cửa hàng Cao Lãnh	1.048.368.516	1.281.230.996
- Cửa hàng Sa Đéc	711.420.850	374.502.359
- Cửa hàng Xẻo Vạt	1.288.937.708	405.001.216
Cộng	9.556.221.888	10.276.834.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	2.655.611.477	13.933.892.712
- Xí nghiệp xây dựng	49.718.887	837.352.155
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	48.050.000	29.000.000
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	3.540.000.000	6.336.244.000
- Nhà máy bê tông	481.686.057	234.784.932
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	412.013.600	71.904.500
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	113.108.000	6.450.001
- Cửa hàng Cao Lãnh	296.436.475	151.382.174
- Cửa hàng Sa Đéc	188.248.650	139.140.938
- Cửa hàng Xẻo Vạt	202.407.309	86.802.701
Cộng	<u>7.987.280.455</u>	<u>21.826.954.113</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT phải nộp	984.280.503	267.537.935
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.016.138.798	81.010.791
- Thuế thu nhập cá nhân	189.665.668	111.640.062
- Thuế tài nguyên	1.097.984.802	832.467.801
- Các loại thuế khác	-	117.010.515
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.510.389.429	1.976.888.269
Cộng	<u>7.798.459.200</u>	<u>3.386.555.373</u>

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí xây lắp, thiết kế	225.713.000	290.296.000
- Trích trước CP dự án KCN Trần quốc Toàn	5.465.400.230	5.601.873.406
Cộng	<u>5.691.113.230</u>	<u>5.892.169.406</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	260.558.061	279.218.321
- BHXH, BHYT, BHTN	-	244.610
- Phải trả khác	5.129.392	809.852.606
Cộng	<u>265.687.453</u>	<u>1.089.315.537</u>

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	2.248.351.959	2.508.954.228
Cộng	<u>2.248.351.959</u>	<u>2.508.954.228</u>

18. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.353.443.230 (l)	892.072.897
Cộng	<u>1.353.443.230</u>	<u>892.072.897</u>

(l) Chi tiết số dư nhận ký quỹ, ký cược dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ bảo đảm thực hiện công trình Cộng	1.353.443.230 <u>1.353.443.230</u>	892.072.897 <u>892.072.897</u>

19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thu trước tiền cho thuê đất khu CN Cộng	22.330.520.453 <u>22.330.520.453</u>	3.212.729.185 <u>3.212.729.185</u>

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	114.951.433.140	192.298.093.476	-	307.249.526.616
Quỹ đầu tư phát triển	195.086.575.685	42.307.356.363	192.303.126.261	45.090.805.787
Quỹ dự phòng tài chính	35.003.281.006	123.206.065	35.126.487.071	
LN sau thuế chưa phân phối	-	20.573.910.148	20.573.910.148	
Cộng	345.041.289.831	255.302.566.052	248.003.523.480	352.340.332.403

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	307.249.526.616	-	-	307.249.526.616
Quỹ đầu tư phát triển	45.090.805.787	6.670.532.932	25.000.000	51.736.338.719
LN sau thuế chưa phân phối	-	23.496.806.248	23.496.806.248	-
Cộng	352.340.332.403	30.167.339.180	23.521.806.248	358.985.865.335

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	53.148.245.788	41.512.977.336
- Doanh thu bán các thành phẩm	211.927.273.698	221.471.851.760
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.937.669.941	2.985.738.731
- Doanh thu bán kinh doanh bất động sản	21.951.941.817	23.585.200.070
Cộng	318.965.131.244	289.555.767.897

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giảm giá hàng bán	312.668.670	198.121.395
- Hàng bán bị trả lại	-	78.046.530
Cộng	312.668.670	276.167.925

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hoá	39.408.468.953	30.846.137.861
- Giá vốn thành phẩm	193.040.107.033	172.503.803.190
- Giá vốn bất động sản	16.256.516.778	17.511.087.917
Cộng	248.705.092.764	220.861.028.968

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	17.909.262.011	13.472.969.238
- Lãi Trái phiếu	88.136.182	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	555.025.000	160.000.000
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	33.350.000	145.140.000
- Thu hoạt động tài chính khác	110.056.860	-
Cộng	18.695.830.053	13.778.109.238

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	530.714.635	179.438.263
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.684.533.387	17.255.000
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.318.180.049	8.071.084.144
- Chi phí tài chính khác	18.181.818	230.134
Cộng	6.551.609.889	8.268.007.541

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	5.949.991.574	4.110.065.558
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.717.607.695	3.291.391.709
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.155.715	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.642.683.880	3.844.927.659
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.039.404.804	5.327.463.369
- Chi phí bằng tiền khác	422.993.854	620.756.814
Cộng	20.775.837.522	17.194.605.109

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	24.869.979.871	21.826.631.340
- Chi phí vật liệu quản lý	386.556.062	305.921.202
- Chi phí đồ dùng văn phòng	179.019.673	226.767.091
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.080.053.833	1.068.206.344
- Thuế, phí và lệ phí	795.477.394	871.429.486
- Chi phí dự phòng	435.269.865	(458.005.850)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.435.138.620	1.742.362.758
- Chi phí bằng tiền khác	9.621.900.997	6.981.144.861
Cộng	38.803.396.315	32.564.457.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	2.706.363.637	89.000.000
- Thu hồi vật tư, phụ tùng	896.107.469	477.162.432
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	3.596.834.462	2.740.617.925
- Hoàn nhập chi phí trích thừa các năm trước	-	136.473.176
- Các khoản thu khác	1.727.337.009	305.005.309
Cộng	8.926.642.577	3.748.258.842

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	932.461.556	-
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	24.750.257	209.714.760
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	464.923.344	253.821.324
- Chi phí khác	39.991.141	4.548.000
Cộng	1.462.126.298	468.084.084

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	6.480.066.168	6.875.874.970
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.480.066.168	6.875.874.970

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm

Lợi nhuận trước thuế năm nay 29.976.872.416

Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN 32.998.803

- Các khoản phạt vi phạm chế độ quản lý Nhà nước 24.750.257

- Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN 8.248.546

Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN 555.025.000

- Thu nhập từ lãi cổ tức 555.025.000

Lợi nhuận chịu thuế năm nay 29.454.846.219

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 6.480.066.168

- Chi nộp thuế môi trường các năm trước 5.324.699.701

Tổng lợi nhuận sau thuế 18.172.106.547

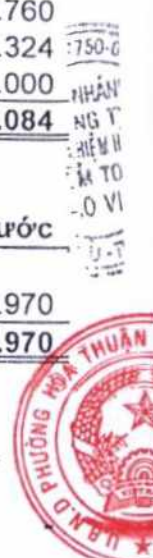
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển 6.670.532.932

- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành 375.000.000

- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi 10.872.907.764

- Bù trừ phần lợi nhuận năm 2013 253.665.851

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm -



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị trình bày: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.
3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 7.2.14 Quyền số 01 SCT/BS

Ngày 24 tháng 7 năm 2014

P. Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận

Nguyễn Thu Cúc
Người lập

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 07 năm 2015



Võ Minh Khanh